

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30-6-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Nay

Ông Nguyễn Thành Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 2005; Địa chỉ: Số B, khu phố H, phường D, thành phố Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 2002; Nơi thường trú: Tổ C, khu phố T, phường D, thành phố Đ; Nơi ở hiện tại: Khu phố I, phường D, thành phố Đ.

(Tất cả các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2026, những lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2024.

Theo chị L, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng mâu thuẫn bắt đầu phát sinh vào khoảng đầu năm 2026 và ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ngoài ra do chị L có mâu thuẫn với mẹ chồng về vấn đề kinh tế nên cả hai không hòa hợp được với nhau nhưng anh H không hòa giải được mà còn đứng về phía mẹ chồng nên vợ chồng bất đồng nhiều về vấn đề này. Ngoài ra, anh H còn không có trách nhiệm với gia đình, anh H đi làm không đưa tiền cho chị L mãi đến khi chị L sinh con anh H mới đưa tiền để phụ chị nuôi con, vợ chồng không có kinh tế nên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên khoảng đầu tháng 02/2026 chị L đã bỏ về nhà cha mẹ để đẻ sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống độc lập về mọi mặt, vợ chồng không nói chuyện hòa giải, cũng không quan tâm cuộc sống của nhau. Từ khi ly thân đến nay có một lần anh H xuống thăm con, tuy nhiên anh H đưa thêm vài người khác vào nhà chị L gây chuyện nên gia đình chị không đồng ý cho anh H đến thăm con, kể từ lần đó đến nay anh H không thăm con, cũng không chu cấp tiền cho chị L nuôi con. Do vợ chồng đã hết tình cảm và không thể chung sống với nhau nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H để sớm ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 07/7/2025. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Trúc L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Theo Biên bản lấy lời khai đề ngày 25 tháng 5 năm 2026, bị đơn - anh Nguyễn Thanh H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh H thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị T Lam quen biết, tìm hiểu nhau thời gian khoảng hai năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2024.

Theo anh H, vợ chồng chung sống hạnh phúc và mâu thuẫn chỉ phát sinh từ khi chị L tự ý bỏ về nhà ngoại sống, lý do chị L nói là không thể sống cùng nhà chồng. Từ khi vợ chồng kết hôn đến nay chị L ở nhà nuôi con, anh H là người đi làm lo cho kinh tế gia đình nhưng chị L lại cho rằng anh H không quan tâm vợ, con. Đến nay, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng, từ khi ly thân đến nay anh H đã cố gắng hòa giải, thuyết phục chị L, tuy nhiên chị L không có thiện chí hòa giải nên anh H cũng không còn muốn hòa giải mâu thuẫn nữa. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, chị L nộp đơn ly hôn, anh H đồng ý.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 07/7/2025. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh

H đồng ý giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L, anh H sẽ cấp dưỡng nuôi con theo cách riêng của anh.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Thanh H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Thanh H được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 07/7/2025 cho chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn (BL 01), căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Hiện bị đơn vẫn đang sinh sống tại phường D, thành phố Đ (BL 04, 05) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 36, 51). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Thanh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2024 (BL 07), căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo chị L, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhau từ khoảng đầu năm 2026, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị L và anh H đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 02/2026 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình. Lời trình bày của chị L được anh H thừa nhận: “... *mâu thuẫn chỉ phát sinh từ khi chị L tự ý bỏ về nhà ngoại sống, anh H không biết lý do tại sao chị L lại bỏ đi, lý do chị L nói với tôi là chị không thể sống cùng nhà chồng. Theo anh H từ khi vợ chồng kết hôn đến nay chị L ở nhà nuôi con, anh H là người đi làm lo cho kinh tế gia đình, tuy nhiên chị L lại cho rằng anh H không quan tâm vợ, con. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng. Từ khi ly thân đến nay anh H có cố gắng hòa giải, thuyết phục chị L, tuy nhiên chị L không có thiện chí hòa giải, bỏ mặc mâu thuẫn nên anh H cũng không còn muốn hòa giải mâu thuẫn nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, chị L nộp đơn ly hôn, anh H đồng ý...*” (BL 33, 34).

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị L và anh H chung sống với nhau có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 07/7/2025.

Xét việc nuôi dưỡng con chung: Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và được anh H đồng ý. Nhận thấy, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không sống chung với nhau, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Hiện chị L làm công nhân có thu nhập và nơi ở ổn định nên chị L có đủ điều kiện để chăm lo cho con chung. Do vậy, sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị L hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị L không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh H đều xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Trúc L, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn - anh Nguyễn Thanh H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Thanh H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh ngày 07/7/2025 cho chị Nguyễn Thị Trúc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Thanh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Thanh H do chị Nguyễn Thị Trúc L không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008448 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự

tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị Nguyễn Thị Trúc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai
- THADS TP. Đồng Nai;
- UBND P. Dầu Giây, TP. Đồng Nai;
- (GCNKH số 64/2024)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang